BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC
KHÓA TC23 (2023-2028) - TUYỂN SINH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 575/QĐ-MTCN ngày 22 tháng 8 năm 2023)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
1	1277	Đỗ Lương Diệu Anh	Nữ	29/12/2005	001305014997	38	0002			3	Văn	6.78	7.50	5.50	**19.67**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.67**	7210403	Thiết kế Đồ họa
2	1184	Nguyễn Hoàng Duy Anh	Nam	20/11/2005	027205000163	41	0002			3	Toán	7.68	6.00	7.21	**20.46**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.46**	7210403	Thiết kế Đồ họa
3	1199	Đặng Mai Anh	Nữ	30/04/2005	001305032930	53	0002			2	Toán	8.36	7.50	5.50	**20.62**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.87**	7210403	Thiết kế Đồ họa
4	1012	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	03/02/2005	001305001611	57	0002			3	Toán	8.30	7.00	7.29	**22.13**	0.00	0.00	0.00	0.00	**22.13**	7210403	Thiết kế Đồ họa
5	1453	Ngô Minh Anh	Nữ	25/05/2005	001305003700	70	0003			3	Văn	7.48	7.00	7.17	**21.49**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.49**	7580108	Thiết kế Nội thất
6	1363	Lê Hải Anh	Nữ	04/10/2004	001304004366	72	0003			3	Toán	8.10	5.75	5.83	**18.76**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.76**	7210403	Thiết kế Đồ họa
7	1384	Nguyễn Trần Nguyên Anh	Nữ	13/12/2004	022304005462	80	0003			2	Văn	7.44	5.71	5.83	**18.31**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.56**	7210402	Thiết kế trang sức
8	1477	Tống Vũ Minh Anh	Nữ	22/05/2003	001303014366	82	0003			3	Văn	8.02	5.75	5.50	**18.31**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.31**	7210103	Hoành tráng
9	1357	Vũ Quỳnh Anh	Nữ	25/03/2005	038305000563	90	0003			3	Văn	8.28	7.00	5.83	**20.36**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.36**	7210403	Thiết kế Đồ họa
10	1362	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	Nữ	14/02/2005	001305007217	94	0003			3	Toán	8.82	5.00	7.29	**20.04**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.04**	7580108	Thiết kế Nội thất
11	1843	Phạm Lan Anh	Nữ	26/02/2005	001305019161	113	0004			2	Toán	8.60	6.00	5.00	**18.36**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.61**	7580108	Thiết kế Nội thất
12	1631	Lê Minh Anh	Nữ	23/08/2005	001305005598	119	0004			3	Văn	8.16	5.75	7.67	**21.00**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.00**	7210107	Gốm
13	304	Vũ Trần Nhật Anh	Nam	15/06/2003	036203012605	152	0005			3	Toán	7.32	7.00	5.50	**19.39**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.39**	7210403	Thiết kế Đồ họa
14	318	Nguyễn Minh Anh	Nữ	01/08/2005	001305018471	154	0005			3	Toán	7.70	8.42	8.17	**24.53**	0.00	0.00	0.00	0.00	**24.53**	7210404	Thiết kế Thời trang
15	32	Nguyễn Tuấn Anh	Nữ	20/12/2005	010205000266	156	0005	06	2	2	Toán	7.26	5.75	5.50	**17.86**	0.25	1.00	1.25	1.25	**19.11**	7210403	Thiết kế Đồ họa
16	257	Hoàng Vân Anh	Nữ	26/12/2005	001305036140	158	0005			3	Văn	8.00	6.08	8.08	**21.79**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.79**	7210103	Hoành tráng
17	131	Phan Phương Anh	Nữ	05/01/2003	001303000936	161	0005			3	Văn	7.78	7.71	6.00	**21.12**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.12**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
18	622	Hoàng Phương Anh	Nữ	05/06/2005	020305005637	172	0006			1	Văn	7.78	6.00	6.42	**19.57**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.32**	7210403	Thiết kế Đồ họa
19	602	Nguyễn Thị Hải Anh	Nữ	10/02/2005	030305000366	173	0006			3	Toán	7.46	5.75	6.92	**19.68**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.68**	7210103	Thiết kế Nội thất
20	556	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	15/11/2005	001305019007	188	0006			3	Toán	7.90	7.00	6.00	**20.34**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.34**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
21	478	Ngô Mai Anh	Nữ	20/10/2005	001305005569	190	0006			3	Văn	7.48	5.75	6.08	**18.68**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.68**	7580108	Thiết kế Nội thất
22	691	Trần Vũ Quỳnh Anh	Nữ	16/06/2005	001305011870	198	0007			3	Toán	8.02	5.75	6.08	**19.01**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.01**	7210402	Thiết kế Trang sức
23	858	Nguyễn Minh Anh	Nữ	23/12/2005	001305016979	208	0007			3	Toán	7.80	5.75	6.08	**18.88**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.88**	7210403	Thiết kế Đồ họa
24	880	Phạm Duy Anh	Nam	31/05/2004	035204001016	218	0007			3	Văn	6.16	5.08	7.92	**19.30**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.30**	7210403	Thiết kế Đồ họa
25	797	Hà Tú Anh	Nữ	13/03/2005	030305012146	226	0007			2NT	Văn	7.14	7.04	6.42	**20.44**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.94**	7210404	Thiết kế Thời trang
26	1867	Nguyễn Phan Ngọc Anh	Nữ	10/12/2005	031305006442	231	0008			3	Văn	8.24	6.00	6.88	**20.40**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.40**	7580108	Thiết kế Nội thất
27	2308	Nguyễn Gia Anh	Nữ	29/07/2005	001305037695	272	0009			3	Văn	8.12	5.75	5.83	**18.77**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.77**	7580108	Thiết kế Nội thất
28	2257	Đàm Ngọc Anh	Nam	09/09/2005	001305015866	281	0009			3	Văn	7.60	6.71	6.58	**20.51**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.51**	7580108	Thiết kế Nội thất
29	2235	Mai Hà Anh	Nữ	12/06/2003	001303020843	286	0009			3	Văn	7.52	7.00	6.79	**21.06**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.06**	7210103	Hoành tráng
30	2329	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	17/03/2005	001205011424	287	0009			2	Văn	6.98	7.00	6.79	**20.74**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.99**	7210105	Điêu khắc
31	2362	Lê Thị Quỳnh Anh	Nữ	05/10/2005	038305007514	289	0009			2NT	Văn	8.76	7.00	5.50	**20.26**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.76**	7210403	Thiết kế Đồ họa

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
32	2481	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	08/11/2005	001305007815	293	0010			3	Toán	6.94	6.00	6.00	**18.56**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.56**	7210403	Thiết kế Đồ họa
33	2492	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	20/01/2005	001305025874	300	0010			3	Toán	7.80	5.67	5.50	**18.08**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.08**	7210403	Thiết kế Đồ họa
34	2546	Mai Hoàng Phương Anh	Nữ	30/06/2005	001305003187	310	0010			3	Văn	7.48	6.71	5.50	**19.14**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.14**	7210403	Thiết kế Đồ họa
35	1760	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/10/2005	040305010898	314	0010			2NT	Văn	7.34	6.00	6.00	**18.80**	0.50	0.00	0.50	0.50	**19.30**	7210403	Thiết kế Đồ họa
36	2450	Vũ Minh Ánh	Nữ	07/12/2005	001305027034	325	0011			3	Văn	6.58	5.00	5.50	**16.55**	0.00	0.00	0.00	0.00	**16.55**	7210403	Thiết kế Đồ họa
37	381	Nguyễn Duy Thái Bình	Nam	08/06/2005	034205011246	360	0011			2	Toán	6.50	5.75	5.83	**17.80**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.05**	7210402	Thiết kế Công nghiệp
38	628	Trần Thanh Bình	Nữ	15/10/2005	001305017510	365	0011			3	Văn	8.56	8.00	5.50	**21.34**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.34**	7210103	Sơn mài
39	503	Trần Thị Phương Châu	Nữ	04/08/2005	001305017788	389	0012			3	Văn	6.98	5.79	5.00	**17.14**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.14**	7210403	Thiết kế Đồ họa
40	1787	Hoàng Cẩm Chi	Nữ	17/07/2005	024305009049	394	0012	06	2	2	Văn	7.94	6.08	5.50	**18.66**	0.25	1.00	1.25	1.25	**19.91**	7210403	Thiết kế Đồ họa
41	1589	Mai Linh Chi	Nữ	07/06/2003	001303014040	400	0012			3	Toán	7.34	7.00	6.00	**20.00**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.00**	7210403	Thiết kế Đồ họa
42	1186	Lương Huệ Chi	Nữ	02/12/2005	001305029198	403	0012			2	Văn	8.44	5.00	7.38	**19.92**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.17**	7210403	Thiết kế Đồ họa
43	922	Trần Linh Chi	Nữ	26/08/2005	001305027826	416	0013			3	Văn	7.26	7.00	5.50	**19.36**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.36**	7210404	Thiết kế Thời trang
44	924	Từ Hồ Bảo Chi	Nữ	29/03/2005	042305004348	418	0013			2	Văn	8.98	7.46	6.08	**21.64**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.89**	7210403	Thiết kế Đồ họa
45	2564	Dương Khánh Chi	Nữ	29/04/2005	001305008649	433	0014			2	Văn	8.02	5.75	6.00	**18.91**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.16**	7210404	Thiết kế Thời trang
46	213	Lê Thị Thu Cúc	Nữ	06/01/2004	001304048075	453	0014			2	Toán	8.06	5.75	7.38	**20.59**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.84**	7580108	Thiết kế Nội thất
47	254	Vũ Quốc Cường	Nam	07/01/2005	035205000157	456	0014			3	Văn	7.96	5.08	5.50	**17.47**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.47**	7580108	Thiết kế Nội thất
48	2468	Hoàng Đức Cường	Nam	17/10/2004	001204022940	459	0014			3	Toán	6.84	7.00	6.08	**19.80**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.80**	7580108	Thiết kế Nội thất
49	938	Đỗ Ngọc Diệp	Nữ	26/08/2005	033305002550	473	0015			2NT	Văn	7.46	6.00	5.00	**17.68**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.18**	7210403	Thiết kế Đồ họa
50	2467	Bùi Đức Duy	Nam	17/06/2004	001204025559	500	0016			2	Toán	6.48	6.08	7.21	**19.84**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.09**	7210404	Thiết kế Thời trang
51	2341	Hoàng Thị Lệ Duyên	Nữ	18/05/2005	001305970132	509	0016			2	Văn	7.66	7.00	6.08	**20.29**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.54**	7210403	Thiết kế Đồ họa
52	1031	Nguyễn Việt Dũng	Nam	05/02/1998	001098001554	527	0016			3	Văn	7.50	7.00	6.08	**20.20**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.20**	7210402	Thiết kế Công nghiệp
53	172	Trần Khánh Dư	Nam	10/06/2005	001205012527	531	0016			3	Văn	7.00	5.00	7.17	**18.80**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.80**	7210103	Sơn mài
54	689	Trần Thùy Dương	Nữ	06/07/2004	040304002867	535	0017			2	Văn	8.10	5.75	5.50	**18.36**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.61**	7210403	Thiết kế Đồ họa
55	1269	Phạm Bảo Dương	Nam	07/04/2005	025205000908	540	0017			2NT	Toán	6.88	7.00	6.08	**19.82**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.32**	7210403	Thiết kế Đồ họa
56	1231	Nguyễn Tùng Dương	Nam	11/02/2005	001205009088	545	0017			2	Toán	7.74	5.75	6.08	**18.84**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.09**	7210404	Thiết kế Thời trang
57	752	Đinh Ánh Dương	Nữ	21/08/2005	026305000248	563	0018			2	Toán	8.66	7.46	6.08	**21.44**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.69**	7580108	Thiết kế Nội thất
58	2557	Đặng Thái Dương	Nam	14/01/2005	001205040602	575	0018			2	Văn	7.70	7.00	6.08	**20.32**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.57**	7210403	Thiết kế Đồ họa
59	2460	Nguyễn Xuân Đại	Nam	10/07/2004	036204005710	583	0018			2NT	Toán	7.62	5.75	7.38	**20.33**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.83**	7210403	Thiết kế Nội thất
60	277	Công Hải Đăng	Nam	02/09/2004	001204044763	610	0019			3	Văn	7.36	5.00	5.50	**17.02**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.02**	7210403	Thiết kế Đồ họa
61	897	Trần Quang Đức	Nam	02/01/2000	040200008220	622	0020			2NT	Văn	6.50	6.00	6.00	**18.30**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.80**	7210105	Điêu khắc
62	1313	Ngô Đăng Đức	Nam	20/01/2005	001205000423	624	0020			3	Văn	8.28	5.00	5.00	**16.97**	0.00	0.00	0.00	0.00	**16.97**	7580108	Thiết kế Nội thất
63	2400	Lê Đình Trung Đức	Nam	05/07/2004	025204001403	625	0020			1	Văn	6.70	5.75	7.00	**19.32**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.07**	7210403	Thiết kế Thời trang
64	1070	Nguyễn Văn Minh Đức	Nam	01/12/2004	001204048832	631	0020			2	Văn	6.68	5.75	6.79	**19.06**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.31**	7210404	Thiết kế Thời trang
65	1209	Hồ Mạnh Đức	Nam	10/12/2005	040205012003	633	0020			2NT	Văn	7.80	7.96	6.88	**22.49**	0.50	0.00	0.50	0.50	**22.99**	7210403	Thiết kế Đồ họa
66	158	Nguyễn Thị Hà Giang	Nữ	21/09/2005	024305000064	654	0020			2	Văn	7.08	6.50	6.08	**19.34**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.59**	7580108	Thiết kế Nội thất
67	1895	Đỗ Thị Hương Giang	Nữ	28/08/2005	022305001691	655	0020			2	Văn	7.42	7.96	6.08	**21.30**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.55**	7210403	Thiết kế Đồ họa
68	412	Hoàng Hương Giang	Nữ	08/06/2005	001305054390	660	0020			2	Toán	8.48	7.96	6.08	**21.94**	0.25	0.00	0.25	0.25	**22.19**	7210403	Thiết kế Đồ họa
69	1670	Lê Thu Hà	Nữ	25/12/2004	026304008215	687	0021			1	Văn	5.94	6.42	5.50	**17.87**	0.75	0.00	0.75	0.75	**18.62**	7580108	Thiết kế Nội thất
70	1378	Môn Thị Khánh Hà	Nữ	03/11/2004	031304003785	691	0021			3	Toán	7.48	8.00	5.83	**21.08**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.08**	7210403	Thiết kế Đồ họa
71	839	Phạm Thúy Hà	Nữ	12/02/2005	030305008654	693	0021			2	Văn	8.68	6.50	5.50	**19.61**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.86**	7580108	Thiết kế Nội thất
72	474	Phạm Thu Hà	Nữ	19/11/2005	042305000772	703	0021			2	Văn	8.62	7.46	5.50	**20.72**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.97**	7210403	Thiết kế Đồ họa

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
73	1196	Nguyễn Thu Hà	Nữ	16/05/2005	033305001165	704	0021			3	Văn	7.62	6.50	5.50	**18.97**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.97**	7210403	Thiết kế Đồ họa
74	1518	Vũ Thu Hà	Nữ	24/02/2005	027305011565	706	0021			2	Văn	6.82	5.75	5.83	**17.99**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.24**	7210403	Thiết kế Đồ họa
75	1332	Trần Nguyễn Mỹ Hà	Nữ	11/01/2005	001305022021	709	0021			2	Văn	8.00	6.00	7.42	**20.90**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.15**	7210404	Thiết kế Thời trang
76	2363	Nguyễn Thái Hà	Nữ	06/01/2004	034304011678	713	0022			3	Văn	7.36	6.00	5.00	**17.62**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.62**	7210103	Hoành tráng
77	849	Nguyễn Văn Hải	Nam	20/06/2004	037204000959	740	0022			2	Văn	7.20	7.00	6.79	**20.87**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.12**	7210403	Thiết kế Nội thất
78	2333	Đoàn Quang Hạ	Nam	15/01/2004	022204004161	751	0023			1	Văn	7.08	6.00	7.00	**19.85**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.60**	7210103	Hoành tráng
79	2336	Đỗ Xuân Hân	Nam	20/09/2005	033205006346	770	0023			2NT	Toán	7.50	6.00	5.50	**18.30**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.80**	7580108	Thiết kế Nội thất
80	2222	Trịnh Tú Hân	Nữ	06/08/2005	001305005528	775	0023			3	Văn	7.14	5.67	5.50	**17.69**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.69**	7210402	Thiết kế trang sức
81	523	Đặng Thanh Hằng	Nữ	03/12/2003	031303003803	785	0024			3	Văn	7.64	6.08	6.08	**19.18**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.18**	7210404	Thiết kế Thời trang
82	1198	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	08/01/2005	001305011357	795	0024			2	Toán	8.74	5.67	7.38	**20.90**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.15**	7210403	Thiết kế Đồ họa
83	31	Đào Đức Hiệp	Nam	07/07/2005	001205025729	830	0025			2	Toán	7.96	7.50	5.00	**19.78**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.03**	7210105	Điêu khắc
84	2511	Đặng Xuân Hiệp	Nam	19/09/2004	001204020190	832	0025			2	Toán	6.88	6.00	5.00	**17.33**	0.25	0.00	0.25	0.25	**17.58**	7580108	Thiết kế Nội thất
85	2160	Bùi Minh Hiền	Nữ	16/10/2005	001305014468	853	0025			3	Văn	7.26	5.67	6.42	**18.86**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.86**	7210403	Thiết kế Đồ họa
86	1864	Nguyễn Văn Hoàn	Nam	18/01/2004	001204000337	879	0026			3	Toán	8.16	8.25	5.00	**20.80**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.80**	7580108	Thiết kế Nội thất
87	1732	Tô Minh Hoàng	Nam	26/07/2005	025205003210	899	0026			2NT	Toán	8.56	6.00	7.21	**20.99**	0.50	0.00	0.50	0.50	**21.49**	7210403	Thiết kế Đồ họa
88	1160	Nguyễn Việt Huy	Nam	11/09/2004	025204012119	917	0026			1	Văn	5.88	5.67	8.13	**20.09**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.84**	7580108	Thiết kế Nội thất
89	1683	Phạm Ngọc Huy	Nam	02/08/2005	001205014994	925	0026			3	Văn	6.80	5.75	6.42	**18.68**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.68**	7210404	Thiết kế Thời trang
90	1432	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	17/01/2005	022305007617	941	0027			2	Văn	7.16	8.25	5.83	**21.19**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.44**	7210403	Thiết kế Đồ họa
91	1272	Đinh Thu Huyền	Nữ	05/06/2005	001305039058	943	0027			3	Văn	7.84	5.75	5.00	**17.60**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.60**	7210403	Thiết kế Đồ họa
92	1592	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	18/02/2005	033305000024	948	0027			3	Văn	7.50	7.50	5.00	**19.50**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.50**	7580108	Thiết kế Nội thất
93	1778	Bùi Thanh Huyền	Nữ	30/10/2005	022305010343	959	0027			2	Văn	8.26	5.67	7.17	**20.36**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.61**	7210404	Thiết kế Thời trang
94	174	Nguyễn Tuấn Hưng	Nam	29/11/2004	001204017863	1017	0028			3	Toán	8.44	6.08	5.00	**18.36**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.36**	7210403	Thiết kế Đồ họa
95	1110	Nguyễn Thị Hương	Nữ	15/06/2005	001305033342	1024	0028			2	Văn	7.32	7.50	5.50	**19.99**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.24**	7210403	Thiết kế Nội thất
96	270	Phùng Nguyễn Mai Hương	Nữ	14/10/2004	001304009183	1028	0028			2	Toán	7.94	5.00	5.50	**17.36**	0.25	0.00	0.25	0.25	**17.61**	7210402	Thiết kế Công nghiệp
97	2420	Khúc Thủy Hương	Nữ	14/10/2005	001305018633	1045	0029			3	Toán	7.82	6.42	8.08	**22.09**	0.00	0.00	0.00	0.00	**22.09**	7210403	Thiết kế Đồ họa
98	2332	Lê Quỳnh Hương	Nữ	16/09/2005	001305046072	1052	0029			2	Văn	8.42	8.25	6.42	**22.66**	0.25	0.00	0.25	0.24	**22.90**	7210403	Thiết kế Đồ họa
99	1939	Vi Thị Hương	Nữ	20/12/2004	020304008081	1055	0029	01	1	1	Văn	7.18	5.75	5.50	**17.81**	0.75	2.00	2.75	2.75	**20.56**	7210403	Thiết kế Đồ họa
100	1577	Nguyễn An Khanh	Nữ	20/01/2005	001305016383	1074	0030			3	Văn	8.22	7.00	7.92	**22.84**	0.00	0.00	0.00	0.00	**22.84**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
101	233	Lê Đình Khánh	Nam	27/08/2005	001205017063	1082	0030			3	Toán	7.56	5.75	7.92	**20.94**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.94**	7210403	Thiết kế Đồ họa
102	2586	Đinh Bảo Khánh	Nam	01/11/2005	025205011771	1101	0031			2	Văn	6.80	5.00	5.50	**16.68**	0.25	0.00	0.25	0.25	**16.93**	7210403	Thiết kế Đồ họa
103	205	Nguyễn Lâm Khải	Nam	12/12/2005	001205011688	1107	0031			3	Văn	8.54	5.00	5.50	**17.72**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.72**	7210403	Thiết kế Đồ họa
104	2294	Ngô Ngọc Khôi	Nam	24/01/2004	019204002391	1116	0031			2	Văn	5.52	6.71	8.33	**21.36**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.61**	7580108	Thiết kế Nội thất
105	2070	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	14/05/2005	036305004675	1129	0032			2NT	Văn	8.58	7.00	7.58	**22.64**	0.50	0.00	0.50	0.49	**23.13**	7210403	Thiết kế Đồ họa
106	2510	Đỗ Trung Kiên	Nam	18/03/2005	017205008806	1130	0032			1	Văn	7.34	5.67	5.50	**17.81**	0.75	0.00	0.75	0.75	**18.56**	7210403	Thiết kế Nội thất
107	402	Ngô Tuấn Kiệt	Nam	24/10/2005	001205031867	1135	0032			3	Văn	7.32	5.75	6.00	**18.49**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.49**	7580108	Thiết kế Nội thất
108	940	Nguyễn Ngọc Lan	Nữ	12/10/2005	033305002458	1143	0032			2NT	Văn	7.24	7.00	5.83	**19.74**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.24**	7210403	Thiết kế Đồ họa
109	2448	Phùng Thị Ánh Lan	Nữ	12/05/2005	024305006587	1148	0032			1	Văn	4.28	5.67	7.67	**18.58**	0.75	0.00	0.75	0.75	**19.33**	7210403	Thiết kế Đồ họa
110	2371	Trương Ngọc Lâm	Nam	23/11/2005	001205033329	1157	0033			2	Toán	7.64	5.00	7.58	**19.68**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.93**	7210403	Thiết kế Đồ họa
111	650	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	09/07/2005	027305000898	1164	0033			2	Toán	9.18	5.75	6.00	**19.61**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.86**	7210403	Thiết kế Đồ họa

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
112	1630	Bùi Thủy Linh	Nữ	05/04/2005	001305002596	1202	0034			3	Văn	7.92	7.00	5.83	**20.15**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.15**	7210103	Hoành tráng
113	140	Đào Nguyễn Thùy Linh	Nữ	03/09/2005	030305000337	1207	0035			3	Toán	8.30	5.00	7.83	**20.38**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.38**	7210403	Thiết kế Đồ họa
114	498	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	18/08/2005	033305001665	1235	0036			2	Văn	7.00	7.21	5.00	**18.85**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.10**	7210402	Thiết kế Công nghiệp
115	221	Phạm Phương Linh	Nữ	19/08/2005	001305013636	1248	0036			3	Văn	7.88	5.75	5.83	**18.62**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.62**	7210403	Thiết kế Đồ họa
116	329	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	Nữ	30/09/2005	001305012651	1250	0036			3	Toán	7.82	7.46	6.08	**20.94**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.94**	7580108	Thiết kế Nội thất
117	608	Phạm Thùy Linh	Nữ	02/03/2005	030305009041	1267	0037			2	Văn	7.66	7.54	5.50	**20.24**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.49**	7210403	Thiết kế Đồ họa
118	788	Phong Gia Linh	Nữ	26/02/2005	033305006870	1277	0037			2	Toán	7.52	7.54	5.00	**19.56**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.81**	7210403	Thiết kế Đồ họa
119	825	Lê Lưu Phương Linh	Nữ	27/11/2005	001305045152	1290	0037			3	Văn	8.68	5.75	5.50	**18.71**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.71**	7210403	Thiết kế Đồ họa
120	885	Đinh Khánh Linh	Nữ	04/11/2005	001305026814	1311	0038			2	Văn	7.92	8.75	5.00	**21.25**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.50**	7580108	Thiết kế Nội thất
121	2411	Trần Thị Tú Linh	Nữ	21/11/2005	001305031483	1326	0039			2	Văn	8.38	6.00	5.00	**18.23**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.48**	7210404	Thiết kế Thời trang
122	2181	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	16/12/2004	001304040653	1340	0039			3	Văn	6.74	7.75	6.00	**20.54**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.54**	7210404	Thiết kế Thời trang
123	1183	Mai Hiển Long	Nam	19/06/2005	001205038293	1363	0040			3	Toán	7.68	5.75	6.00	**18.71**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.71**	7210403	Thiết kế Đồ họa
124	303	Lê Hữu Long	Nam	02/04/2005	001205032761	1368	0040			2	Toán	6.84	7.75	5.00	**19.40**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.65**	7210403	Thiết kế Đồ họa
125	525	Vũ Xuân Long	Nam	04/11/2005	033205002216	1371	0040			2NT	Văn	7.22	8.25	5.50	**20.83**	0.50	0.00	0.50	0.50	**21.33**	7210403	Thiết kế Đồ họa
126	190	Trương Văn Vũ Long	Nam	01/01/2005	001205000648	1373	0040			3	Văn	7.18	6.71	7.08	**20.86**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.86**	7210103	Hoành tráng
127	1803	Hoàng Thế Lực	Nam	07/09/2004	033204001556	1390	0041			2NT	Văn	7.28	6.71	5.00	**18.42**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.92**	7580108	Thiết kế Nội thất
128	1011	Nguyễn Phương Ly	Nữ	22/11/2005	015305000022	1403	0041			3	Toán	8.38	6.71	6.00	**20.28**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.28**	7580108	Hoành tráng
129	267	Đỗ Thị Diệu Ly	Nữ	24/07/2005	001305032620	1411	0041			2	Văn	6.90	6.71	6.88	**20.45**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.70**	7580108	Thiết kế Nội thất
130	541	Nguyễn Ngọc Bảo Ly	Nữ	10/12/2005	001305011789	1413	0041			3	Văn	6.64	5.75	8.21	**20.74**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.74**	7580108	Thiết kế Nội thất
131	1278	Bùi Thanh Mai	Nữ	21/05/2005	001305008622	1421	0042			2	Văn	6.82	5.75	5.50	**17.59**	0.25	0.00	0.25	0.25	**17.84**	7210403	Thiết kế Đồ họa
132	46	Lê Quỳnh Mai	Nữ	27/06/2005	001305009822	1433	0042			3	Văn	7.56	6.71	6.04	**19.84**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.84**	7210403	Thiết kế Đồ họa
133	1176	Dương Hoàng Mai	Nữ	20/12/2005	001305023688	1438	0042			3	Văn	8.80	5.75	7.21	**20.83**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.83**	7210403	Thiết kế Đồ họa
134	1879	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nữ	17/06/2005	024305003861	1464	0043			2NT	Toán	7.56	6.71	6.00	**19.79**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.29**	7210403	Thiết kế Đồ họa
135	278	Đặng Phương Mai	Nữ	26/08/2004	002304001733	1465	0043			1	Văn	7.38	5.00	6.00	**17.63**	0.75	0.00	0.75	0.75	**18.38**	7210404	Thiết kế Thời trang
136	1674	Lưu Kim Minh	Nữ	04/11/2005	038305001081	1488	0044			3	Văn	7.00	6.71	7.33	**21.05**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.05**	7210103	Sơn mài
137	1061	Phạm Quang Minh	Nam	18/02/2005	019205000082	1489	0044			3	Văn	8.06	5.67	6.88	**19.90**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.90**	7210103	Hoành tráng
138	1769	Trần Quang Minh	Nam	01/10/2005	033205000339	1492	0044			2NT	Văn	8.88	6.50	6.00	**20.33**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.83**	7580108	Thiết kế Nội thất
139	1062	Nguyễn Quang Minh	Nam	15/07/2004	038204026352	1494	0044			2NT	Toán	5.72	6.50	7.42	**20.14**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.64**	7210103	Hoành tráng
140	1322	Trần Hoàng Minh	Nam	03/09/2005	001205003580	1496	0044			3	Văn	8.24	6.50	7.58	**21.84**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.84**	7580108	Thiết kế Nội thất
141	1351	Nguyễn Chí Minh	Nam	15/10/2005	001205017685	1499	0044			2	Văn	7.54	5.00	5.50	**17.12**	0.25	0.00	0.25	0.25	**17.37**	7210403	Thiết kế Đồ họa
142	271	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	18/12/2005	001305014954	1504	0045			3	Toán	7.42	5.67	5.83	**18.25**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.25**	7210403	Thiết kế Đồ họa
143	1839	Phạm Tuấn Minh	Nam	05/02/2004	001204001335	1511	0045			3	Toán	7.08	6.00	7.79	**20.80**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.80**	7580108	Thiết kế Nội thất
144	787	Vũ Lê Minh	Nam	21/06/2005	001205003940	1517	0045			2NT	Văn	7.86	7.71	6.21	**21.42**	0.50	0.00	0.50	0.50	**21.92**	7210404	Thiết kế Thời trang
145	56	Phạm Nhật Minh	Nam	08/11/2004	001204020531	1518	0045			3	Toán	6.88	5.67	7.33	**19.73**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.73**	7210403	Thiết kế Đồ họa
146	992	Lê Phúc Đăng Minh	Nam	14/09/2005	001205005688	1527	0045			3	Toán	8.36	5.67	6.00	**19.02**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.02**	7210403	Thiết kế Đồ họa
147	2334	Nguyễn Thị Anh Minh	Nữ	03/10/2005	045305008280	1531	0046			2	Toán	7.76	5.67	5.50	**18.06**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.31**	7210103	Hoành tráng
148	2453	Nguyễn Minh Khôi	Nam	17/11/2005	001205041721	1533	0046			3	Toán	7.28	6.54	5.50	**18.82**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.82**	7210103	Hoành tráng
149	1637	Ngô Trà My	Nữ	20/10/2004	001304017412	1548	0046			3	Văn	7.36	6.71	7.33	**21.26**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.26**	7580108	Thiết kế Nội thất

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
150	964	Hà Trà My	Nữ	01/10/2005	030305000510	1558	0047			2	Toán	7.90	6.08	7.21	**20.69**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.94**	7210403	Thiết kế Đồ họa
151	2418	Đỗ Trà My	Nữ	28/10/2005	001305033805	1567	0047			2	Toán	6.92	5.67	6.08	**18.25**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.50**	7210403	Thiết kế Đồ họa
152	243	Vũ Hà My	Nữ	31/05/2004	001304004173	1571	0047			3	Toán	7.64	7.75	5.00	**19.88**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.88**	7210402	Thiết kế trang sức
153	1261	Phan Hoài Nam	Nam	20/12/2004	025204012050	1589	0048			1	Toán	5.74	5.67	7.83	**19.64**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.39**	7210403	Thiết kế Đồ họa
154	1563	Trần Thanh Nga	Nữ	27/07/2005	037305004890	1601	0048			2	Văn	7.76	6.50	5.83	**19.45**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.70**	7210403	Thiết kế Đồ họa
155	1039	Lê Phương Nga	Nữ	18/07/2004	001304003470	1610	0048			3	Toán	7.44	7.75	6.00	**20.96**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.96**	7580108	Thiết kế Nội thất
156	1635	Nguyễn Thảo Ngân	Nữ	17/01/2005	001305043457	1624	0049			3	Văn	7.74	7.21	5.00	**19.30**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.30**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
157	1397	Nguyễn Anh Ngân	Nữ	22/03/2005	001305037700	1633	0049			3	Văn	8.14	6.42	5.50	**19.19**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.19**	7210404	Thiết kế Thời trang
158	582	Nguyễn Hoàng Ngân	Nữ	18/06/2005	001305002066	1635	0049			3	Văn	8.24	7.71	7.67	**23.40**	0.00	0.00	0.00	0.00	**23.40**	7210107	Gốm
159	1156	Phạm Thị Ngọc	Nữ	04/05/2003	036303013908	1662	0050			3	Văn	6.88	7.71	5.83	**20.38**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.38**	7210403	Thiết kế Đồ họa
160	1165	Tạ Hồng Ngọc	Nữ	19/12/2005	001305023030	1670	0050			3	Văn	6.98	6.42	5.50	**18.49**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.49**	7210404	Thiết kế Thời trang
161	973	Đoàn Thị Hồng Ngọc	Nữ	24/04/2004	030304007339	1686	0051			2NT	Văn	6.40	6.08	5.50	**17.74**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.24**	7580108	Thiết kế Nội thất
162	62	Kiều Như Ngọc	Nữ	28/09/2005	001305029852	1695	0051			2	Toán	8.76	5.00	6.00	**18.46**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.71**	7210403	Thiết kế Đồ họa
163	76	Hoàng Ngọc	Nữ	10/09/2003	010303004675	1697	0051			3	Văn	7.64	6.00	7.79	**21.13**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.13**	7580108	Thiết kế Nội thất
164	2491	Nguyễn Cao Minh Ngọc	Nữ	27/09/2005	001305010065	1705	0052			3	Văn	7.28	6.50	6.88	**20.42**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.42**	7210403	Thiết kế Đồ họa
165	2451	Lê Hồng Ngọc	Nữ	14/04/2005	001305028971	1709	0052			2	Toán	7.40	6.50	6.17	**19.64**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.89**	7580108	Thiết kế Nội thất
166	2585	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	08/12/2005	231305005099	1711	0052			3	Toán	7.14	7.13	6.08	**20.14**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.14**	7210403	Thiết kế Đồ họa
167	69	Đinh Thảo Nguyên	Nữ	14/08/2004	001304036640	1723	0052			3	Văn	7.00	6.00	7.21	**20.05**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.05**	7580108	Thiết kế Nội thất
168	1978	Hoàng Thị Thúy Nhài	Nữ	08/12/2001	036301012578	1737	0053			3	Toán	6.54	5.67	6.88	**18.98**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.98**	7210403	Thiết kế Đồ họa
169	1987	Lê Ánh Nhật	Nữ	12/03/2005	034305005159	1745	0053			2NT	Văn	7.08	5.00	6.00	**17.45**	0.50	0.00	0.50	0.50	**17.95**	7210404	Thiết kế Thời trang
170	2032	Nguyễn Đồng Hải Ninh	Nam	06/05/2005	022205008558	1828	0054			2	Văn	7.78	5.00	7.21	**19.32**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.57**	7580108	Thiết kế Nội thất
171	134	Nguyễn Tuấn Phong	Nam	28/07/2005	001205008096	1840	0054			3	Văn	8.00	6.00	7.83	**21.40**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.40**	7210403	Thiết kế Nội thất
172	685	Nguyễn Lê Thuận Phong	Nam	14/08/2005	001205044289	1841	0054			3	Toán	7.44	6.04	7.38	**20.57**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.57**	7210403	Thiết kế Đồ họa
173	898	Nguyễn Hữu Phúc	Nam	26/11/2005	001205012434	1858	0055			3	Toán	7.10	5.75	5.00	**17.16**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.16**	7580108	Thiết kế Nội thất
174	1575	Vũ Hà Phương	Nữ	24/02/2005	030305006074	1880	0056			2NT	Toán	7.82	6.08	5.83	**18.98**	0.50	0.00	0.50	0.50	**19.48**	7210403	Thiết kế Đồ họa
175	43	Hoàng Mai Yến Phương	Nữ	01/01/2005	024305000012	1881	0056			3	Toán	8.88	6.00	7.42	**21.43**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.43**	7210403	Thiết kế Đồ họa
176	1334	Trần Thị Thu Phương	Nữ	09/06/2004	066304000984	1887	0056			1	Văn	7.90	8.50	5.00	**20.94**	0.75	0.00	0.75	0.75	**21.69**	7210403	Thiết kế Đồ họa
177	181	Nguyễn Hà Phương	Nữ	11/12/2005	001305012485	1895	0056			3	Văn	8.36	5.75	5.50	**18.52**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.52**	7210403	Thiết kế Đồ họa
178	2171	Nguyễn Ngọc Đăng Phương	Nữ	22/11/2005	019305003193	1917	0057			3	Văn	8.36	6.08	7.58	**21.41**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.41**	7210403	Thiết kế Đồ họa
179	759	Trần Thu Phương	Nữ	22/12/2005	001305016673	1924	0057			3	Văn	7.98	5.75	5.50	**18.29**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.29**	7210403	Thiết kế Đồ họa
180	1270	Nguyễn Bá Quang	Nam	21/10/2005	001205048038	1938	0057			2	Văn	8.30	7.67	5.50	**20.78**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.03**	7580108	Thiết kế Nội thất
181	340	Hoàng Minh Quân	Nam	19/10/2005	033205004902	1947	0058			2NT	Văn	6.78	5.67	7.63	**20.03**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.53**	7210403	Thiết kế Đồ họa
182	802	Trần Hoàng Quân	Nam	22/02/2003	040203010542	1951	0058			3	Toán	8.44	5.75	5.50	**18.56**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.56**	7210103	Sơn mài
183	2352	Chu Bùi Quân	Nam	04/10/2005	001205035913	1954	0058			2	Toán	7.68	5.75	7.58	**20.60**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.85**	7210403	Thiết kế Đồ họa
184	469	Hoàng Minh Quân	Nam	24/07/2005	033205000562	1962	0058			2NT	Toán	7.08	8.25	5.50	**20.75**	0.50	0.00	0.50	0.50	**21.25**	7210403	Thiết kế Đồ họa
185	806	Tạ Diễm Quỳnh	Nữ	04/09/2003	001303011349	1996	0059			3	Toán	6.20	7.50	6.08	**20.02**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.02**	7210404	Thiết kế Thời trang
186	845	Khuất Hiểu San	Nữ	12/12/2005	001305023820	2004	0060			3	Văn	7.38	5.67	7.29	**19.98**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.98**	7210403	Thiết kế Đồ họa
187	27	Ngô Thanh Tâm	Nữ	14/12/2005	001305026367	2027	0060			3	Văn	8.36	5.96	5.50	**18.77**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.77**	7210403	Thiết kế Đồ họa

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
188	1321	Phạm Thị Phương Thanh	Nữ	13/03/2005	036305002076	2047	0060			3	Toán	7.64	7.00	7.29	**21.73**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.73**	7210404	Thiết kế Thời trang
189	1777	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	15/09/2005	022305000579	2065	0061			2	Toán	8.36	7.00	5.50	**20.02**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.27**	7210403	Thiết kế Đồ họa
190	484	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	20/07/2003	045303000393	2068	0061			3	Toán	7.74	6.00	7.17	**20.45**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.45**	7210404	Thiết kế Thời trang
191	1499	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	15/11/2005	026305002271	2072	0061			2	Toán	7.48	6.71	5.50	**19.14**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.39**	7580108	Thiết kế Nội thất
192	1366	Đỗ Phương Thảo	Nữ	07/01/2005	014305003551	2075	0061			1	Văn	7.82	6.08	6.88	**20.24**	0.75	0.00	0.75	0.75	**20.99**	7210403	Thiết kế Đồ họa
193	569	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	10/07/2005	001305025239	2076	0061			3	Toán	7.64	6.71	6.88	**20.89**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.89**	7210403	Thiết kế Đồ họa
194	1093	Tạ Hương Thảo	Nữ	14/07/2005	001305019487	2078	0061			3	Toán	8.54	6.71	6.08	**20.47**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.47**	7210404	Thiết kế Thời trang
195	1669	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	03/08/2005	001305011883	2096	0061			3	Văn	7.66	5.75	5.00	**17.50**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.50**	7580108	Thiết kế Nội thất
196	948	Vũ Phương Thảo	Nữ	25/12/2004	001304009799	2108	0061			3	Toán	7.74	7.71	6.08	**21.19**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.19**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
197	1356	Đào Văn Thắng	Nam	12/04/2005	001205036881	2139	0062			2	Toán	8.12	7.75	6.08	**21.47**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.72**	7580108	Thiết kế Nội thất
198	574	Nguyễn Huy Thắng	Nam	17/11/2004	001204005746	2144	0062			3	Văn	5.94	5.67	7.17	**18.97**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.97**	7580108	Thiết kế Nội thất
199	2503	Nguyễn Minh Thắng	Nam	22/02/2006	019206004482	2148	0063			2NT	Văn	6.46	6.00	7.21	**19.73**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.23**	7210103	Hoành tráng
200	700	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Nữ	26/01/2005	033305003812	2164	0063			2NT	Văn	7.28	6.00	6.08	**18.86**	0.50	0.00	0.50	0.50	**19.36**	7210404	Thiết kế Thời trang
201	2199	Phạm Thị Thu	Nữ	20/03/2005	014305001230	2167	0063			1	Văn	7.44	5.75	6.08	**18.66**	0.75	0.00	0.75	0.75	**19.41**	7210403	Thiết kế Đồ họa
202	52	Đỗ Thị Thu	Nữ	01/02/2003	001303016782	2173	0063			3	Toán	7.46	6.71	7.38	**21.38**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.38**	7210404	Thiết kế Thời trang
203	159	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	05/10/2005	001305004947	2199	0064			3	Văn	7.80	5.67	6.88	**19.74**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.74**	7210402	Thiết kế trang sức
204	37	Lê Anh Thư	Nữ	15/10/2005	001305012863	2207	0064			3	Văn	6.72	6.00	5.00	**17.23**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.23**	7210403	Thiết kế Đồ họa
205	1842	Ngô Anh Thư	Nữ	24/03/2005	001305019344	2214	0064			2	Toán	8.14	6.71	5.00	**18.94**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.19**	7210404	Thiết kế Thời trang
206	94	Vũ Nguyễn Anh Thư	Nữ	20/01/2005	031305004979	2215	0064			3	Văn	9.00	6.08	5.50	**19.30**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.30**	7210403	Thiết kế Đồ họa
207	2592	Tạ Anh Thư	Nữ	20/05/2005	034305012386	2234	0065			2NT	Văn	6.52	6.08	5.00	**17.21**	0.50	0.00	0.50	0.50	**17.71**	7210403	Thiết kế Đồ họa
208	365	Vũ Huyền Thương	Nữ	26/12/2005	024305000600	2239	0065			2	Toán	9.42	6.71	6.08	**21.00**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.25**	7210403	Thiết kế Đồ họa
209	2509	Nguyễn Hữu Tĩnh	Nam	01/11/2004	001204050886	2261	0066			2	Toán	5.80	5.67	6.88	**18.54**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.79**	7580108	Thiết kế Nội thất
210	2424	Ngô Đình Toàn	Nam	03/12/2003	001203037581	2269	0066			3	Toán	6.32	6.08	6.08	**18.38**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.38**	7210403	Thiết kế Đồ họa
211	1083	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	08/09/2005	001305020414	2278	0066			3	Văn	8.32	5.67	6.08	**19.09**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.09**	7210403	Thiết kế Đồ họa
212	1689	Lê Quỳnh Trang	Nữ	15/08/1999	040199016602	2288	0067	01	1	3	Toán	9.56	5.75	6.08	**19.93**	0.00	2.00	2.00	2.00	**21.93**	7210403	Thiết kế Đồ họa
213	408	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	21/12/2005	001305023512	2299	0067			3	Văn	7.36	6.00	5.00	**17.62**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.62**	7210403	Thiết kế Đồ họa
214	124	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	01/10/2005	001305004539	2308	0067			3	Văn	7.60	5.83	5.00	**17.56**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.56**	7210103	Sơn mài
215	429	Bùi Nguyễn Minh Trang	Nữ	09/12/2005	001305970025	2312	0067			2	Toán	8.04	6.50	6.00	**19.82**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.07**	7580108	Thiết kế Nội thất
216	2158	Nguyễn Thị Phương Trang	Nữ	15/10/2004	001304011477	2336	0068			2	Toán	8.18	6.71	6.00	**20.16**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.41**	7580108	Thiết kế Nội thất
217	1885	Lưu Thị Trang	Nữ	15/09/2005	034305006309	2353	0068			2	Văn	5.62	6.50	6.42	**18.88**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.13**	7210404	Thiết kế Thời trang
218	2582	Lê Hải Trang	Nữ	23/09/2004	025304002207	2356	0069			2NT	Văn	7.10	6.71	6.00	**19.51**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.01**	7210403	Thiết kế Đồ họa
219	2591	Phùng Mai Trang	Nữ	24/12/2000	024300002351	2359	0069			3	Văn	5.56	5.00	5.00	**15.34**	0.00	0.00	0.00	0.00	**15.34**	7580108	Thiết kế Nội thất
220	789	Nguyễn Thị Xuân Trà	Nữ	10/07/2005	033305004490	2363	0069			2	Văn	6.92	6.71	6.42	**19.91**	0.25	0.00	0.25	0.25	**20.16**	7210404	Thiết kế Thời trang
221	1448	Hoàng Lê Ngọc Trâm	Nữ	28/03/2004	001304001231	2377	0069			3	Văn	8.26	6.00	6.00	**19.36**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.36**	7580108	Thiết kế Nội thất
222	516	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	05/06/2005	001305002113	2381	0069			2	Văn	7.32	5.75	6.00	**18.49**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.74**	7210404	Thiết kế Thời trang
223	126	Nguyễn Thành Trung	Nam	28/11/2004	001204006337	2409	0070			2	Toán	6.68	6.42	6.08	**19.01**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.26**	7210103	Hoành tráng
224	2119	Nguyễn Văn Trường	Nam	07/12/2005	019205002049	2422	0070			2	Văn	7.42	5.75	6.00	**18.55**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.80**	7210404	Thiết kế Thời trang
225	1621	Hoàng Trung Tuấn	Nam	24/06/2004	002204008751	2437	0071	01	1	1	Văn	7.26	6.08	6.92	**19.96**	0.75	2.00	2.75	2.75	**22.71**	7210403	Thiết kế Đồ họa

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD	SBD	Phòng thi	Đối tượng	Nhóm UT	Khu vực	Môn văn hóa	Điểm Văn hóa	Điểm Bố cục màu	Điểm Hình họa	Điểm tổng theo công thức	Điểm khu vực	Điểm đối tượng	Tổng điểm ƯT	Tổng điểm ƯT giảm TT	Tổng điểm xét tuyển	Mã ngành trúng tuyển	Ngành trúng tuyển
226	1367	Nguyễn Lâm Tú	Nam	23/10/2000	001200010333	2452	0071			3	Toán	8.26	7.75	6.00	**21.46**	0.00	0.00	0.00	0.00	**21.46**	7210403	Thiết kế Đồ họa
227	2223	Đỗ Anh Tú	Nam	09/02/2005	001205012432	2454	0071			3	Văn	7.36	6.00	5.50	**18.22**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.22**	7210403	Thiết kế Đồ họa
228	86	Nguyễn Cảnh Tùng	Nam	03/04/2005	001205002484	2467	0072			3	Văn	5.64	6.00	6.08	**17.88**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.88**	7210403	Thiết kế Đồ họa
229	2152	Đỗ Hòa Uyên	Nữ	05/09/2005	001305003908	2476	0072			3	Văn	6.78	6.50	6.08	**19.16**	0.00	0.00	0.00	0.00	**19.16**	7210402	Thiết kế Trang sức
230	811	Ngô Li Va	Nữ	06/01/2004	042304002688	2495	0073			2NT	Văn	9.12	8.50	5.00	**21.67**	0.50	0.00	0.50	0.50	**22.17**	7210403	Thiết kế Đồ họa
231	719	Quách Thị Hồng Vân	Nữ	02/02/2000	001300002243	2496	0073			3	Toán	8.10	6.71	6.00	**20.11**	0.00	0.00	0.00	0.00	**20.11**	7580108	Thiết kế Nội thất
232	258	Tạ Tiến Việt	Nam	01/11/2005	001205032446	2521	0073			2	Toán	8.38	6.00	7.38	**21.08**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.33**	7580108	Thiết kế Nội thất
233	2397	Hoàng Quốc Việt	Nam	22/04/2005	033205003569	2523	0073			2	Toán	7.44	6.00	5.83	**18.66**	0.25	0.00	0.25	0.25	**18.91**	7210402	Thiết kế Đồ chơi
234	295	Khương Quang Vinh	Nam	29/01/2005	001205042936	2528	0073			2	Văn	8.50	6.50	8.13	**22.66**	0.25	0.00	0.25	0.24	**22.90**	7210403	Thiết kế Đồ họa
235	1966	Trần Văn Vinh	Nam	04/09/2004	038204020506	2534	0074			2NT	Văn	6.78	6.00	6.00	**18.47**	0.50	0.00	0.50	0.50	**18.97**	7210403	Thiết kế Đồ họa
236	2457	Nguyễn Quang Vinh	Nam	10/12/2005	001205023944	2535	0074			3	Toán	7.12	6.04	6.00	**18.72**	0.00	0.00	0.00	0.00	**18.72**	7210404	Thiết kế Thời trang
237	2322	Cao Đắc Vinh	Nam	01/07/2005	001205057754	2536	0074			3	Toán	6.78	6.04	5.00	**17.32**	0.00	0.00	0.00	0.00	**17.32**	7210107	Gốm
238	902	Mai Thế Vũ	Nam	19/04/2005	025205003346	2540	0074			2	Toán	8.16	6.71	5.50	**19.55**	0.25	0.00	0.25	0.25	**19.80**	7210403	Thiết kế Đồ họa
239	268	Nguyễn Ngọc Vũ	Nam	01/07/2005	035205010373	2544	0074			2NT	Toán	8.10	5.00	5.50	**17.46**	0.50	0.00	0.50	0.50	**17.96**	7580108	Thiết kế Nội thất
240	1801	Hoàng Thị Yến Vy	Nữ	09/07/2005	033305001623	2553	0074			2NT	Văn	7.96	7.50	7.79	**23.12**	0.50	0.00	0.50	0.46	**23.58**	7210403	Thiết kế Đồ họa
241	1317	Nguyễn Yến Vy	Nữ	14/07/2005	035305000102	2562	0074			2NT	Văn	7.72	6.50	6.00	**19.63**	0.50	0.00	0.50	0.50	**20.13**	7210403	Thiết kế Đồ họa
242	2484	Nguyễn Hà Vy	Nữ	14/03/2005	001305032962	2564	0075			2	Văn	8.00	6.08	7.21	**20.75**	0.25	0.00	0.25	0.25	**21.00**	7210403	Thiết kế Thời trang
243	918	Hoàng Hải Yến	Nữ	25/02/2005	017305005475	2585	0075	01	1	2	Văn	7.82	6.42	5.83	**19.39**	0.25	2.00	2.25	2.25	**21.64**	7210403	Thiết kế Đồ họa

Tổng số: 243 thí sinh

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

LẬP BIỂU	TRƯỞNG BAN THƯ KÝ Phó trưởng phòng Đào tạo	CHỦ TỊCH HĐTS NĂM 2023 HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Tâm	**Hoàng Hải Yến**	**TS. Phạm Hùng Cường**